

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Lê Đình T, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn AL, xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn AL, xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn VT, xã ML, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 04/12/2020.

**Người đại diện hợp pháp cho cháu C:** Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị N - Bố, mẹ đẻ cháu C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị N.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

**2.2.** Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Quỳnh C, sinh ngày 04/12/2020. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Lê Quỳnh C cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, thành niên. Anh Lê Đình T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 750.000 đồng một tháng, thời hạn đóng góp kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị N và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2.3.** Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

**2.4.** Về án phí: Anh Lê Đình T tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004599 ngày 19/10/2022. Anh T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã ĐT (GCNKH số 05/2020 ngày 05/02/2020);
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lý**